

CÔNG TY CỔ LILAMA 45.4

Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Xa lộ Hà Nội, Phường Bình Đa,

Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2016

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4



MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG	1
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	17
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	27
BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC	33
BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	39
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	43
QUẢN TRỊ CÔNG TY	47
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM	53





THÔNG TIN CHUNG

- ✓ Thông tin khái quát
- ✓ Quá trình hình thành và phát triển
- ✓ Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- ✓ Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- ✓ Định hướng phát triển
- ✓ Rủi ro





Tên công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4
Tên giao dịch:	LILAMA 45.4 JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	LILAMA 45.4 JSC
Giấy CNĐKDN số:	3600255703 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 14/08/2006, thay đổi lần thứ 4 ngày 11/02/2015
Vốn điều lệ:	40.000.000.000 VNĐ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	40.000.000.000 VNĐ
Địa chỉ:	Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Xa lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Số điện thoại:	(061) 3 838 188
Số fax:	(061) 3 838 008
Website:	Lilama454vnn@vnn.vn
Email:	www.lilama454.com.vn
Mã cổ phiếu:	L44

Logo công ty



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

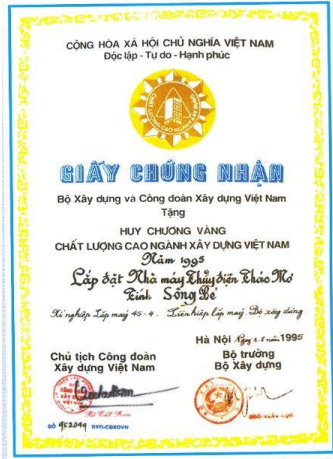
Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Lilama 45.4 (L44) là một doanh nghiệp hạng I thuộc Tổng Công ty lắp máy Việt Nam (LILAMA) chuyên nhận thầu xây lắp, gia công chế tạo thiết bị, kết cấu thép các công trình công nghiệp và dân dụng trong và ngoài nước. Thành lập từ năm 1979 đến nay Công ty đã tham gia lắp đặt hàng trăm công trình lớn nhỏ trên khắp mọi miền đất nước, đã và đang đưa vào sử dụng đạt chất lượng cao. Hơn 35 năm hoạt động và phát triển, Công ty Lilama 45.4 luôn giữ được tín nhiệm của các nhà đầu tư trong và ngoài nước về chất lượng, tiến độ thi công và các dịch vụ bảo hành, bảo trì chu đáo. Những cột mốc đánh dấu sự trưởng thành trong chặng hành trình chinh phục thành công:



Thành tích trong quá trình hoạt động

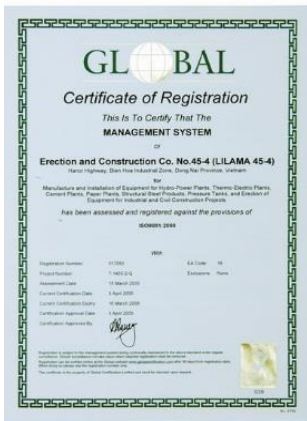
Huy chương vàng chất lượng cao ngành xây dựng Việt Nam



7 huy chương vàng chất lượng cao ngành xây dựng



Chứng nhận ISO 9001:2000



Chứng nhận ISO 9001:2008



Cúp vàng ISO 2007



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Lắp đặt thiết bị, kết cấu thép các công trình công nghiệp.
- Chế tạo thiết bị phi tiêu chuẩn, bồn bể các công trình công nghiệp.
- Bảo trì bảo dưỡng các dây chuyền sản xuất, nhà máy điện, xi măng, hóa chất,...
- Xây dựng, lắp đặt công trình dân dụng công nghiệp (xi măng, thủy điện, nhiệt điện, dầu khí, các công trình công nghiệp khác, đường ống dẫn xăng dầu, chất lỏng khác, nhà máy lọc dầu, xử lý khí đốt, hóa lỏng), đường dây tải điện, trạm biến thế.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu.





Địa bàn kinh doanh

Trụ sở chính của Công ty nằm tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Xa lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Địa bàn kinh doanh: Do đặc thù của công ty là kinh doanh xây lắp, gia công chế tạo thiết bị, kết cấu thép các công trình công nghiệp và dân dụng, nên công ty có địa bàn hoạt động thay đổi tùy theo từng dự án cả trong nước và ngoài nước. Nhưng địa bàn kinh doanh chính của Công ty là trong lãnh thổ nước Việt Nam.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Thông qua các chủ trương, chính sách đầu tư dài hạn trong việc phát triển công ty, quyết định cơ cấu vốn, bầu ra cơ quan quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, với cơ cấu hiện nay, Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên do ĐHĐCĐ bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm. HĐQT có toàn quyền nhân danh Công ty Quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

HĐQT có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát Tổng Giám đốc trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Mọi quyền hạn, nhiệm vụ và trách nhiệm của HĐQT được Pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty quy định

Ban kiểm soát: Ban kiểm soát gồm có 03 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm tra, giám sát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Nhiệm vụ kiểm tra, giám sát cụ thể trong năm:

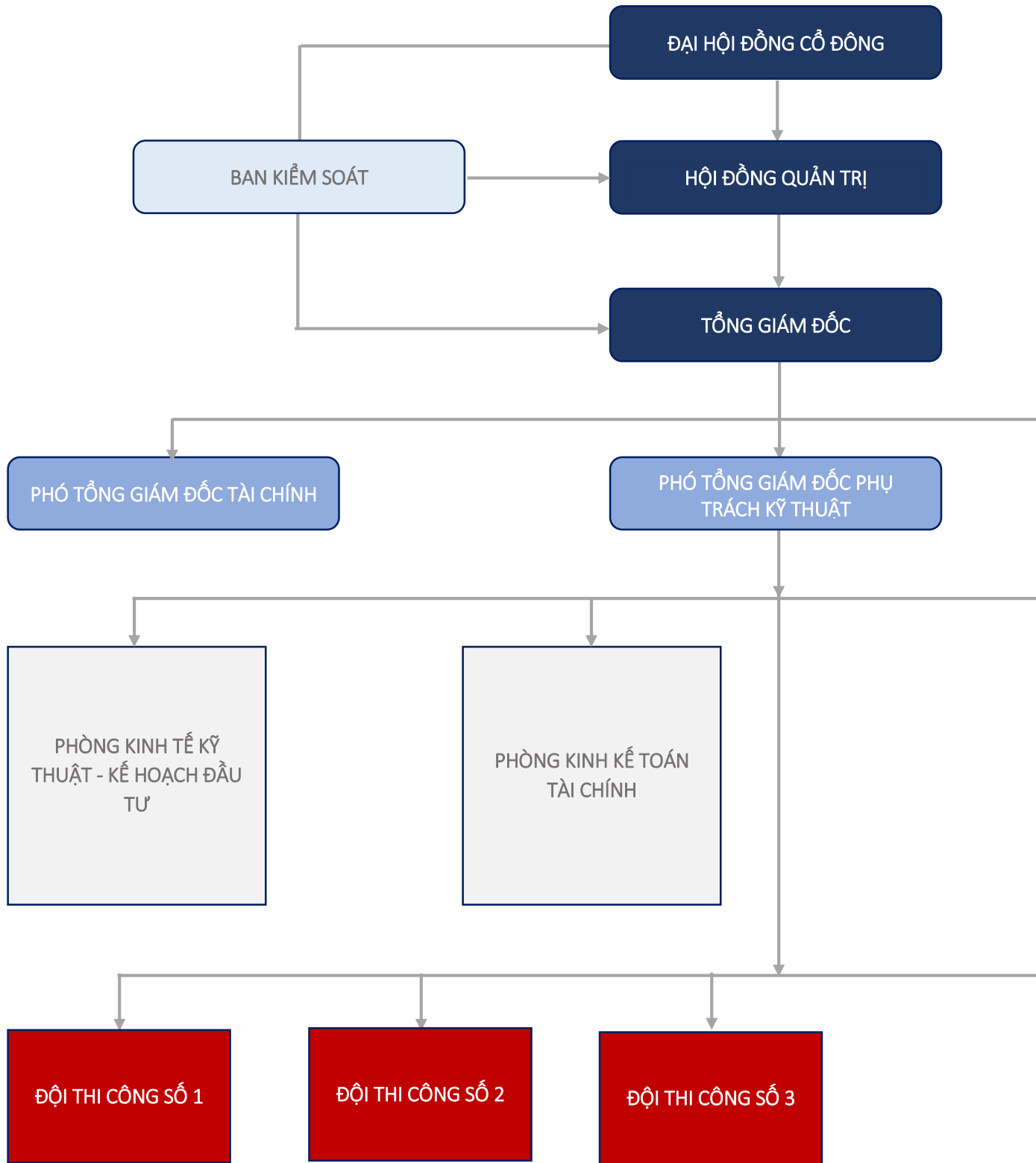
- Kiểm tra tình hình triển khai thực hiện kế hoạch SXKD hàng năm;
- Kiểm tra báo cáo tài chính năm;
- Nhận xét, đánh giá công tác điều hành của HĐQT, Tổng giám đốc trong việc triển khai thực hiện kế hoạch SXKD, các nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT trong năm.
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật.

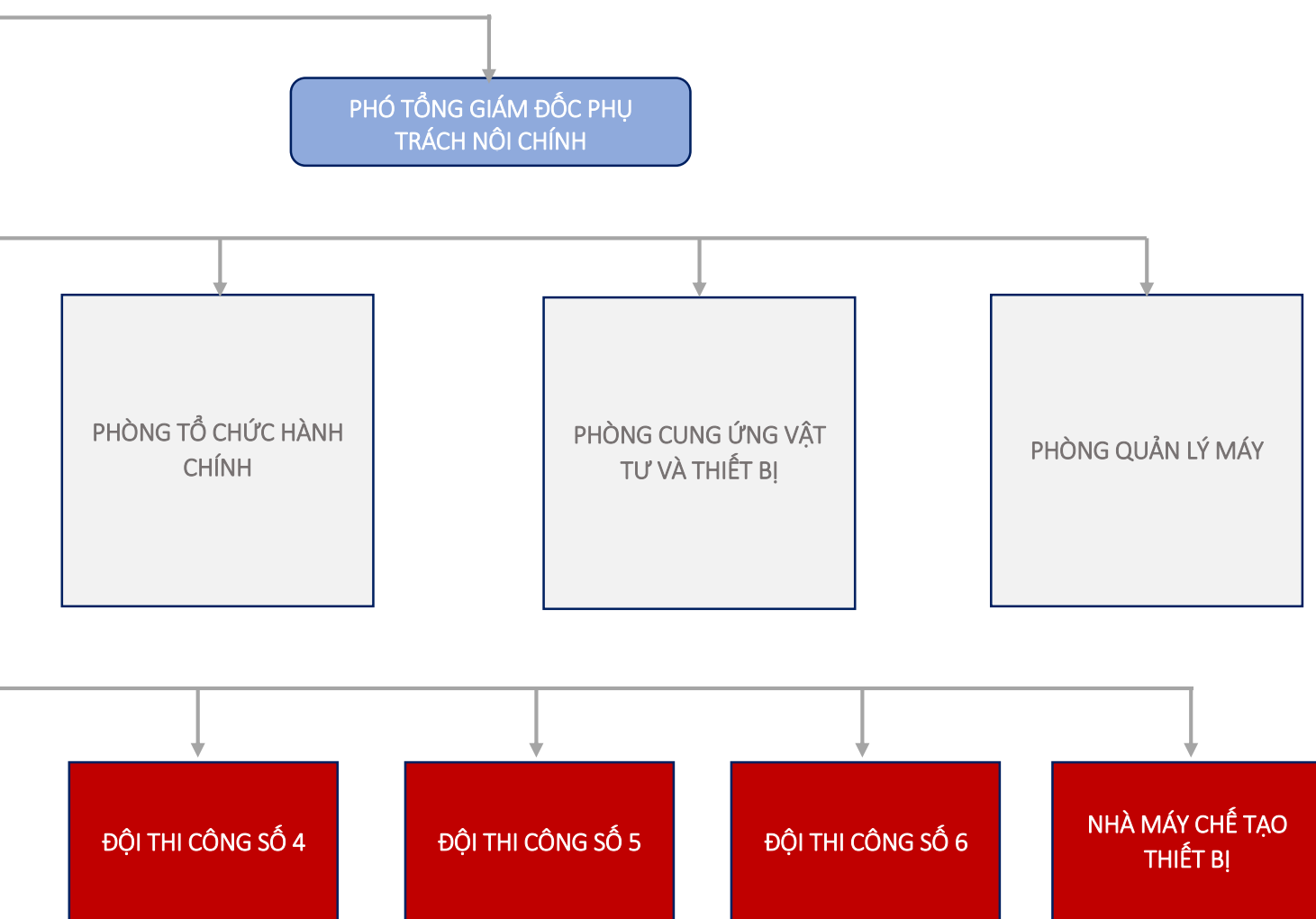




Tổng giám đốc: Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHCĐ và trước pháp luật trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hiện tất cả các hoạt động theo quy định của Điều lệ và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám Đốc điều hành và pháp luật. Các Phó Tổng Giám đốc được sự phân công, phân nhiệm của Tổng Giám đốc trong việc triển khai công tác lãnh đạo, điều hành Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và trước pháp luật trong phạm vi được phân công và ủy quyền.

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ





CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Mục tiêu phát triển:

- ❖ **Đôi với thị trường:** Cung cấp các dịch vụ xây lắp, sản phẩm cơ khí chế tạo, dịch vụ đại tu, sửa chữa, bảo dưỡng công trình công nghiệp đạt chất lượng và giá cả cạnh tranh.
- ❖ **Đôi với cổ đông và đối tác:** Đề cao tinh thần hợp tác cùng phát triển; cam kết đồng hành cùng các đối tác trên con đường phát triển; đối với cổ đông Công ty phấn đấu đem lại mức cổ tức tăng trưởng qua từng năm; luôn gia tăng các giá trị đầu tư hấp dẫn và bền vững.
- ❖ **Đôi với CBCNV:** Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo và văn hóa; tạo điều kiện nâng cao thu nhập và cơ hội phát triển công bằng cho tất cả cán bộ công nhân viên.
- ❖ **Đôi với xã hội:** Kết hợp hài hòa lợi ích doanh nghiệp với lợi ích xã hội; đóng góp tích cực vào các hoạt động xã hội hướng về cộng đồng, thể hiện tinh thần trách nhiệm công dân.
- ❖ **Đôi với môi trường:** Tiết kiệm năng lượng tối đa, hạn chế tối thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.





Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Với quy mô của một doanh nghiệp vừa và nhỏ, Lilama 45.4 sẽ lấy hoạt động xây lắp, chế tạo là lĩnh vực sản xuất kinh doanh trọng tâm và tập trung củng cố, phát triển các nguồn lực sẵn có nhằm khai thác thị trường hiện có cũng như thâm nhập các phân khúc thị trường mới đối với mảng chế tạo, bảo trì bảo dưỡng cho các khu công nghiệp, các nhà máy, dây chuyền sản xuất trong khu công nghiệp...

Bên cạnh việc tập trung nguồn lực (con người và cơ sở vật chất) để củng cố vị thế và thương hiệu trong lĩnh vực hoạt động truyền thống hiện nay như lắp đặt các nhà máy thủy điện, nhiệt điện, điện gió...; Lilama 45.4 cũng đang hướng đến tận dụng nguồn lực sẵn có để khai thác thêm mảng cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa cho các nhà máy, dây chuyền sản xuất trong các khu công nghiệp các tỉnh miền Đông Nam Bộ.

Theo đó, việc trọng tâm hóa thị trường sẽ ít nhiều giúp Công ty khắc phục được hạn chế về vốn, cơ sở vật chất cũng như con người nhờ vào việc tận dụng nguồn lực của Công ty cũng như tranh thủ uy tín với các đối tác hiện tại trong lĩnh vực thủy điện, nhiệt điện, phong điện,...

Định hướng mục tiêu này hứa hẹn sẽ giúp Công ty đạt được vị thế vững chắc trong ngành nghề truyền thống của mình cũng như tận dụng nguồn lực, khai thác tối đa tiềm năng thị trường để hướng tới vị trí các doanh nghiệp xây lắp uy tín trong và ngoài nước.



RỦI RO

Rủi ro chung của nền kinh tế

Những năm gần đây kinh tế Việt Nam có tốc độ phát triển khá tốt. Năm 2016 kinh tế vĩ mô Việt Nam được đánh giá là ổn định khi tốc độ tăng trưởng GDP đạt mức 6,21%, các cân đối lớn cơ bản được bảo đảm. Đây là lần đầu tiên tăng trưởng kinh tế Việt Nam tăng cao nhưng không thuộc nhiều vào tài nguyên thiên nhiên và cũng là cơ sở quan trọng cho quá trình tái cơ cấu kinh tế cũng như đổi mới cách thức tăng trưởng trong thời gian tới.

Thị trường kinh doanh các dịch vụ xây lắp và chế tạo thiết bị là thị trường chịu ảnh hưởng nhiều bởi các diễn biến của nền kinh tế. Tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, thu nhập bình quân đầu người cũng như giá cả một số mặt hàng có ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động của nền kinh tế nói chung và L44 nói riêng. Khi kinh tế phát triển thì nhu cầu xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp cũng như các công trình xây dựng khác sẽ gia tăng, điều này tạo ra nhiều cơ hội giúp cho L44 thuận lợi hơn trong quá trình hoạt động của mình và ngược lại.

Công ty luôn có sự theo dõi đối với những chuyển biến của nền kinh tế để có thể xây dựng các chiến lược kinh doanh phù hợp với tình hình kinh tế chung hợp vừa chuẩn bị phương án xử lý hiệu quả trong trường hợp rủi ro có thể xảy ra.

Rủi ro môi trường

Vì hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp nặng nên Công ty không tránh khỏi sẽ có những tác động nhất định đến môi trường. Các yếu tố tác động có thể kể đến là khí thải khói hàn, bụi kim loại, tiếng ồn trong quá trình vận hành máy móc để thi công... Ý thức được điều đó, L44 luôn tuân thủ các chính sách, quy định về môi trường, lựa chọn áp dụng công nghệ tiên tiến đồng thời chủ động thay đổi những công đoạn không phù hợp trong quá trình sản xuất để giảm thiểu đến mức thấp nhất tác động đến môi trường.





Rủi ro cạnh tranh

Việc tham gia nhiều Hiệp định thương mại tự do thế giới và khu vực sẽ mở ra cơ hội và không gian phát triển rộng lớn hơn, nhưng thách thức cũng vì thế cũng sẽ lớn hơn. Tiến trình này sẽ thu hút nhiều nhà đầu tư ngoại có tiềm lực tài chính và công nghệ hiện đại tham gia vào nền kinh tế, tạo nên sự đa dạng trong cả cung và cầu, điều này sẽ làm sự cạnh tranh trở nên mạnh mẽ hơn bao giờ hết.

Những năm qua Công ty đang trong quá trình tái cấu trúc doanh nghiệp theo đề án đã được ĐHĐCĐ thông qua nhằm nâng cao năng lực quản trị, hoạt động của mình. Ngoài ra, với những lợi thế về sự am hiểu trong ngành xây lắp, uy tín và các mối quan hệ với đối tác, khách hàng được thiết lập trong suốt quá trình hoạt động. Với nhiệt huyết và triết lý kinh doanh đúng đắn, L44 đã và đang xây dựng, bồi đắp những giá trị bền vững để chuẩn bị sẵn sàng đối mặt và chinh phục mọi thử thách trong tương lai.



Rủi ro đặc thù

Do đặc thù của ngành nghề, thời gian thi công các công trình kéo dài, việc nghiệm thu bàn giao được thực hiện theo từng giai đoạn, nên thời gian quyết toán thu hồi vốn thường diễn ra chậm ảnh hưởng đến các chỉ số khả năng thanh toán của Công ty. Tình hình tài chính tiếp tục gặp nhiều khó khăn, mất cân đối tài chính lớn. Ảnh hưởng đến khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Giá cả nguyên vật liệu không ổn định cũng là một khó khăn của ngành xây dựng. Bên cạnh nguồn nguyên vật liệu trong nước, công ty còn sử dụng một số nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu và thực hiện các dịch vụ xây lắp chế tạo cho các đối tác nước ngoài... vì thế biến động tỷ giá cũng ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí đầu vào hay dòng tiền của công ty làm thay đổi giá vốn hàng bán và lợi nhuận.

Ngoài ra, các rủi ro về công tác quản lý dự án và rủi ro về lao động nhân công là một đặc thù mà một công ty xây dựng như Lilama 45.4 cần phải chú trọng. Công ty phải tăng cường kiểm tra các công tác thực hiện dự án như tiến độ, chi phí, chất lượng, an toàn đều phải nắm bắt và theo sát. Trước tình trạng thiếu lao động trong ngành về cả chất lượng và số lượng như hiện nay thì công ty phải có những chính sách, chế độ để tăng cường mối quan hệ hợp tác, lâu dài đối với người lao động vốn là nguồn lực chính của công ty.

Rủi ro pháp luật:

Hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần, L44 chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật nền tảng như Luật doanh nghiệp, Luật kế toán, Luật kiểm toán, Bộ Luật lao động, Luật Thuế... Những văn bản này đều có sự thay đổi khá lớn trong những năm qua nhằm tạo một hành lang pháp lý phù hợp với sự hội nhập ngày một mạnh mẽ hơn. Mặc dù vậy, một số quy định và các văn bản hướng dẫn đi kèm vẫn chưa đồng bộ do đó doanh nghiệp vẫn còn nhiều vướng mắc trong khâu thực hiện. Những điều này tạo ra cho Công ty những khó khăn nhất định trong quá trình hoạt động.

Hiện nay, L44 luôn quan tâm đến các quy định pháp luật chi phối đến hoạt động của mình, từ đó có sự nghiên cứu, tìm hiểu kỹ lưỡng trước khi triển khai áp dụng đối với các bộ phận nghiệp vụ có liên quan.

Rủi ro khác:

Các rủi ro bất khả kháng như rủi ro về thời tiết xấu: mưa, ngập lụt, hạn hán, bão đều ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động của công ty như làm chậm tiến độ công trình hay phá hủy hoặc gây thiệt hại. Vì là những rủi ro không thể tránh khỏi nên Công ty sẽ linh động theo dõi và điều chỉnh kế hoạch thi công hợp lý nhằm giảm thiểu tối đa những rủi ro này đảm bảo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được thực hiện đúng như kế hoạch.





2

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- ✓ Hội đồng quản trị
- ✓ Ban kiểm soát
- ✓ Ban điều hành công ty
- ✓ Những thay đổi trong HĐQT, BKS, Ban điều hành
- ✓ Tình hình nhân sự và các chính sách đối với người lao động

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cơ cấu Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Ông Nguyễn Bá Sướng	Chủ tịch	Kiểm Tổng giám đốc
Ông Hoàng Văn Dư	Thành viên	-
Ông Hoàng Tuấn Anh	Thành viên	-
Ông Hoàng Văn Hà	Thành viên	Kiểm Phó Tổng giám đốc
Bà Phan Thị Thanh Thủy	Thành viên	Kiểm Kế toán trưởng



Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Bá Sứng – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Giới tính:	Nam
Năm sinh:	18/08/1967
Nguyên quán:	Thôn Vĩnh Trung, Khai Thái. Phú Xuyên, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
Chức vụ hiện nay:	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
SLCP sở hữu	99.300 CP – 0,23% VDL

Quá trình công tác:

- ❖ 1992-1993 Kỹ thuật viên - Công ty kỹ nghệ thực phẩm Việt Nam – NM chế biến thực phẩm Bình Triệu, Tp.HCM
- ❖ 1993 - 1995 Kỹ thuật viên - Công ty Giầy Hiệp Hưng – TP.HCM
- ❖ 1995 - 1996 Kỹ thuật viên – Công ty Cơ khí Biên Hòa – Đồng nai
- ❖ 1996 - 2005 Kỹ thuật, Đội trưởng thi công – Công ty Lắp máy và xây dựng 45.1
- ❖ 2005 - 2011 Trưởng phòng kỹ thuật – Công ty CP Lilama 45.1
- ❖ 2012 - 2015 Phó giám đốc – Công ty CP Lilama 45.1
- ❖ Từ T1/2015 - nay Tổng Giám đốc – Công ty CP Lilama 45.4

Ông Hoàng Văn Dư – Thành viên HĐQT không điều hành

Giới tính:	Nam
Năm sinh:	21/01/1957
Nguyên quán:	Tiên Lữ- Hưng Yên
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư kinh tế, cơ khí
Chức vụ hiện nay:	Thành viên HĐQT không điều hành
SLCP sở hữu	80 CP – 0,00% VDL

Quá trình công tác:

- ❖ 1980-1984 Xí nghiệp liên hợp lắp máy 69
- ❖ 1984-1985 Trường trung học Xây dựng số 1 Bộ Xây Dựng
- ❖ 1985-2007 Giám đốc XN10-4, Phó TGD Lilama 10, Giám đốc dự án Na Dương, Uông Bí, Nhơn Trạch, Vũng Áng, Dung Quất.
- ❖ 12/2007-2014 Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 45.4
- ❖ 2016-nay Thành viên HĐQT không điều hành

Ông Hoàng Tuấn Anh – Thành viên HĐQT không điều hành

Giới tính:	Nam
Năm sinh:	1983
Nguyên quán:	Đà Sơn Đô Lương, Nghệ An
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kế toán
Chức vụ hiện nay:	Thành viên HĐQT không điều hành
SLCP sở hữu	105.500 CP – 2,62% VDL

Quá trình công tác:

- ❖ 2006-2009 Ban dự án Điện Cà Mau – Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam
- ❖ 2009-2013 Ban Dự án Điện Nhơn Trạch 2 -Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam
- ❖ 2013- nay CTCP Lilama 45.4

Ông Hoàng Văn Hà – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Giới tính:	Nam
Năm sinh:	1972
Nguyên quán:	Nghệ An
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
Chức vụ hiện nay:	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
SLCP sở hữu	36.912 CP – 0,92% VDL

Quá trình công tác:

- ❖ 1999-2002 Trưởng chỉ huy của Lilama 45.4 tại Nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ I
- ❖ 2002-2005 Giám đốc nhà máy chế tạo cơ khí Lilama 45.4
- ❖ 2005-2008 Giám đốc Xí nghiệp lắp máy số 1 Công ty Lilama 45.4 tại dự án thủy điện sông Ba Hạ.
- ❖ 2008 - nay Phó Tổng giám đốc CTCP Lilama 45.4.

Bà Phan Thị Thanh Thủy – Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Giới tính:	Nữ
Năm sinh:	1964
Nguyên quán:	Hà Tĩnh
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay:	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
SLCP sở hữu	30.000 CP – 0,75% VĐL
<u>Quá trình công tác:</u>	
1988 -1992	Kế toán – XN Liên hợp lắp máy 45 – Trị An – Đồng Nai
1993 -T2/2002	Kế toán – Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.4
T3/2002 - 7/2016	Phó phòng kế toán – Công ty CP Lilama 45.4
T8/2016 đến nay	Kế toán trưởng



BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Bá Sừng	Tổng giám đốc
Ông Phan Cao Viên	Phó tổng giám đốc
Ông Tạ Văn Hùng	Phó tổng giám đốc
Ông Hoàng Văn Hà	Phó Tổng giám đốc
Bà Phan Thị Thanh Thủy	Kế toán trưởng

Sơ yếu lý lịch Ban Tổng Giám đốc

Sơ yếu lý lịch của **Ông Nguyễn Bá Sừng, Ông Hoàng Văn Hà và Bà Phan Thị Thanh Thủy** vui lòng xem thông tin tại mục Sơ yếu lý lịch của Hội đồng quản trị

Ông Phan Cao Viên – Phó Tổng giám đốc

Giới tính:	Nam
Năm sinh:	01/09/1970
Nguyên quán:	Nam Triệu, Phú Xuyên, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí
Chức vụ hiện nay:	Phó Tổng giám đốc Công ty CP Lilama 45.4
SLCP sở hữu	0 CP – 0% VDL

Quá trình công tác:

- ❖ 1996-2008 Cán bộ kỹ thuật Công ty CP Lilama 45.3
- ❖ 2008-2009 Phó giám đốc Công ty CP Lilama 45.3
- ❖ 2009-T3/2015 Phó Tổng giám đốc Công ty CP Lilama 45.1
- ❖ T4/2015 - nay Phó Tổng giám đốc Công ty CP Lilama 45.4

Ông Tạ Văn Hùng – Phó Tổng giám đốc

Giới tính:	Nam
Năm sinh:	18/03/1963
Nguyên quán:	Xã Khánh Phương, Huyện Yên Mô, Tỉnh Ninh Bình
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư điện
Chức vụ hiện nay:	Phó Tổng Giám đốc
SLCP sở hữu	5.000 CP – 0,13% VĐL

Quá trình công tác:

- ❖ 1998 - 2000 Giám đốc XN 1 thi công công trình thủy điện Sông Hinh
- ❖ 2001-2002 Giám đốc XN 1 thi công công trình thủy điện Hàm Thuận
- ❖ 2003 Đội trưởng thi công nhà máy giấy Bình An
- ❖ 2004-2007 Đội trưởng thi công công trình thủy điện Đa Nhim
- ❖ 2008-2011 Giám đốc XN số 2 thi công công trình thủy điện An Khê – Ka Nak
- ❖ 2012 – nay Phó giám đốc Công ty

BAN KIỂM SOÁT

Cơ cấu Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	SLCP sở hữu
Ông Nguyễn Văn Ngọc	Trưởng Ban kiểm soát	0 CP – 0% VĐL
Ông Lê Minh Thiện	Thành viên	0 CP – 0% VĐL
Bà Trần Huyền Thương Thương	Thành viên	0 CP – 0% VĐL

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

Công ty cổ phần Lilama 45.4 trong năm có những thay đổi về Ban điều hành và hội đồng quản trị như sau:

- ✓ Ông Hoàng Văn Dư – miễn nhiệm chức chủ tịch hội đồng quản trị
- ✓ Bổ nhiệm có thời hạn Ông Nguyễn Bá Sừng (người đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty lắp máy Việt Nam tại CTCP Lilama 45.4) giữ chức Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty thay Ông Hoàng Văn Dư.
- ✓ Miễn nhiệm Ông Hoàng Tuấn Anh thôi giữ chức vụ Kế toán trưởng CTCP Lilama 45.4.

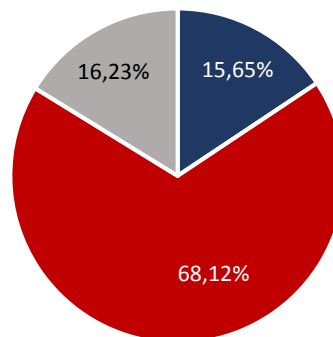
Bổ nhiệm có bà Phan Thị Thanh Thủy giữ chức kế toán trưởng CTCP Lilama 45.4.



TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ trọng (%)
A	Theo trình độ	345	100,00%
1	Trình độ đại học, trên đại học	54	15,65%
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	235	68,12%
3	Khác	56	16,23%
B	Địa bàn công tác	345	100,00%
1	Cơ quan Công ty	54	15,65%
2	Thủy điện Thác Mơ	37	10,72%
3	Thủy điện Sông Bung 2	23	6,67%
4	Nhiệt điện Thái Bình 2	153	44,35%
5	Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 + NMCK	12	3,48%
6	Lọc hóa dầu Nghi Sơn	66	19,13%
C	Trình độ lao động	345	100,00%
1	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	64	18,55%
2	Trình độ bậc thợ	281	81,45%

Biểu đồ phân loại lao động theo trình độ



■ Trình độ đại học, trên đại học
 ■ Trình độ cao đẳng, trung cấp
 ■ Khác

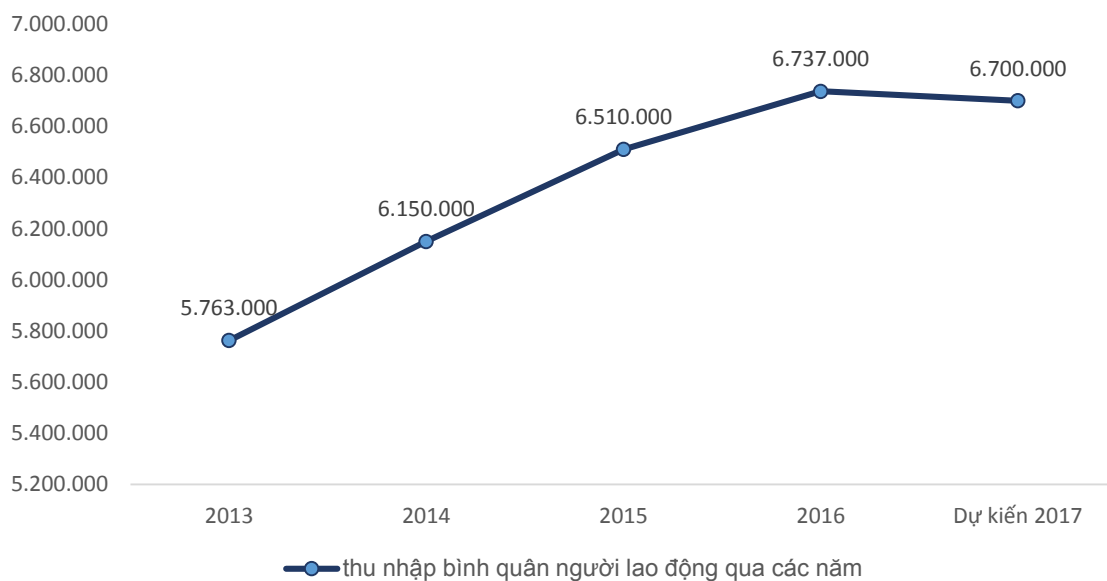
Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm (đồng/tháng/người)

STT	Năm	Mức lương bình quân
2	2013	5.763.000
3	2014	6.150.000
4	2015	6.510.000
5	2016	6.737.000
6	Dự kiến 2017	6.700.000

Chính sách đối với người lao động

- ✓ Cố gắng đảm bảo CBCNV nhận được đầy đủ quyền lợi lao động theo quy định về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.
- ✓ Hiện nay công ty đã xây dựng chế độ đãi ngộ mới, gắn liền hiệu quả công việc với thành quả lao động, thúc đẩy người lao động phát huy khả năng tối đa.
- ✓ Đào tạo tay nghề, kiến thức cho người lao động, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường. Tập huấn an toàn lao động cho hầu hết CBCNV, đặc biệt là đơn vị thi công công trình, dự án.

Thu nhập bình quân người lao động qua các năm





3

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- ✓ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- ✓ Tình hình hoạt động đầu tư
- ✓ Tình hình tài chính
- ✓ Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Tỷ lệ TH/ KH 2016	Tỷ lệ TH 2016/2015
Giá trị sản lượng	221.000.000.000	223.000.000.000	205.000.000.000	91,93%	92,76%
Doanh thu	145.837.583.737	210.000.000.000	152.650.128.907	72,69%	104,67%
Lợi nhuận trước thuế TNDN	342.468.683	-	-26.370.726.918	-	-
Vốn điều lệ	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	100,00%	100,00%
Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn điều lệ	0,86%	-	-	-	-
Tỷ suất lợi nhuận/ Doanh thu	0,23%	-	-	-	-
Nộp NSNN	2.741.674.039	7.500.000.000	12.360.622.881	164,81%	450,84%
Thu nhập bình quân người/tháng	6.510.000	6.700.000.000	6.737.000	0,10%	103,49%
Dự kiến chia cổ tức	0%	0%	0%	-	-
Đầu tư XDCB	604.000.000	3.500.000.000	0	0,00%	0,00%

Năm qua Công ty gặp nhiều khó khăn trong hoạt động vì vấn đề tài chính. Nguồn vốn chưa đủ để thực hiện các công trình vì vậy phải sử dụng đòn cân nợ cao, trong khi đó hầu hết các dự án đều có thời gian thi công kéo dài nên việc thu hồi vốn chậm. Các chỉ tiêu hoạt động vì vậy mà chưa đạt kế hoạch đề ra.

Theo đó, trong năm 2016 mặt dù doanh thu có tăng hơn so với năm trước nhưng do sự tăng lên với lượng lớn của giá vốn hàng bán khiến giá trị ghi nhận của khoản mục này lớn hơn cả giá trị của doanh thu dẫn đến lợi nhuận của Công ty bị âm trong kỳ. Mặc dù vậy, nghĩa vụ về Thuế và việc tuân thủ các quy định đối với người lao động vẫn được Công ty cố gắng đảm bảo. Về giá trị kinh tế mang lại cho cổ đông, với tình hình tài chính hiện nay Công ty vẫn chưa thể chi trả cổ tức cho các cổ đông vì thế giá trị các khoản mục này đều được ghi nhân bằng không.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Trong năm 2016 Công ty không đầu tư, không mua sắm máy móc thiết bị gì và đã tiến hành thanh lý và bán một số phương tiện, máy móc thiết bị hoạt động kém hoặc không có hiệu quả là: 15,355 tỷ đồng.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2015	2016	Tỷ lệ (%) 2016/2015
1	Tổng giá trị tài sản	367.651.328.242	327.385.292.385	89,05%
2	Doanh thu thuần	145.837.583.737	152.650.128.907	104,67%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	934.529.274	(34.303.903.559)	-
4	Lợi nhuận khác	(592.060.591)	7.933.176.641	-1.339,93%
5	Lợi nhuận trước thuế	342.468.683	(26.370.726.918)	-
6	Lợi nhuận sau thuế	164.262.631	(26.370.726.918)	-
7	Tỷ lệ cổ tức/ mệnh giá (%)	0%	0%	-

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016
1	Khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,13	1,06
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,29	0,22
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	84,04%	90,13%
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	526,44%	912,99%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	0,51	0,64
	Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,43	0,44
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,11%	-17,28%
	Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	0,28%	-57,95%
	Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	%	0,05%	-7,59%
	Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,64%	-22,47%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI TRONG VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Tổng số cổ phần phát hành: 4.000.000 cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 3.980.000 cổ phần.
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông.
- Cổ phiếu quỹ: 20.000 CP.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Cơ cấu cổ đông

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Nhà nước	-	-	0,000%
2	Cổ đông trong nước	442	3.983.200	99,580%
	Tổ chức	9	1.425.670	35,642%
	Cá nhân	433	2.557.530	63,938%
3	Cổ đông nước ngoài	4	16.800	0,420%
	Tổ chức	0	-	0,000%
	Cá nhân	4	16.800	0,420%
	Tổng cộng	446	4.000.000	100,00%



Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP	1.402.346	35,06%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

Các chứng khoán khác

Không có

4

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

- ✓ Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- ✓ Tình hình tài chính
- ✓ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý
- ✓ Kế hoạch phát triển trong tương lai
- ✓ Giải trình của Ban Giám đốc với ý kiến kiểm toán



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

Chỉ tiêu	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	TH 2016/2015 (%)	TH/KH 2016 (%)
Giá trị sản lượng	221.005.000.000	223.400.000.000	205.000.000.000	92,76%	91,76%
Doanh thu	145.837.583.737	210.000.000.000	152.650.128.907	104,67%	72,69%
Lợi nhuận trước thuế	342.468.683	-	-26.370.726.918	-	-
Lợi nhuận sau thuế	164.262.631	-	-26.370.726.918	-	-
EPS (Đồng/Cổ phiếu)	36	-	-6.626	-	-

Năm qua Ban Tổng Giám đốc và toàn thể nhân viên đã nỗ lực để ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo cân đối các khoản thu chi, tuân thủ đúng các quy định hiện hành đối với công ty đại chúng và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. Tuy nhiên trong kỳ vẫn còn những khó khăn nhất định, điều này làm kết quả vẫn chưa đạt được như kế hoạch đã kỳ vọng. Một số khó khăn cụ thể hiện nay Công ty đang phải đối mặt:

- ✓ Một số công trình Chủ đầu tư/Nhà thầu chính chậm triển khai, kéo dài tiến độ thực hiện. Trong quá trình thực hiện thì thiếu vốn, vật tư, nhân lực để hoàn thành khối lượng công việc theo kế hoạch như: Thủy điện Thác Mơ, Thủy điện Sông Bung 2, Nhiệt điện Thái Bình...
- ✓ Năng lực thiết bị chưa đáp ứng được một số công việc, công tác đấu thầu tiếp thị kết quả còn hạn chế.
- ✓ Lực lượng lao động hiện có của Công ty ít, đặc biệt là lao động có tay nghề cao, việc thanh toán tiền lương chậm làm ảnh hưởng đến tư tưởng người lao động nên năng suất lao động thấp.
- ✓ Công tác nghiệm thu, thu hồi vốn chậm ảnh hưởng đến việc thu xếp vốn phục vụ sản xuất kinh doanh
- ✓ Mất cân đối tài chính lớn nên việc thu xếp nguồn vốn để phục vụ SXKD gặp rất nhiều khó khăn.
- ✓ Việc lập kế hoạch SXKD năm 2016 chưa sát với quy mô và năng lực thực tế của Công ty

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		% Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	348.639.477.553	94,83%	314.155.998.881	95,96%	-9,89%
Tài sản dài hạn	19.011.850.689	5,17%	13.229.293.504	4,04%	-30,42%
TỔNG TÀI SẢN	367.651.328.242	100%	327.385.292.385	100%	-10,95%

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		% Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	308.961.972.742	100%	295.066.663.803	100%	-4,5%
Nợ dài hạn	-	0%	-	0%	0%
NỢ PHẢI TRẢ	308.961.972.742	100%	295.066.663.803	100%	-4,5%
Vốn chủ sở hữu	58.689.355.500	-	32.318.628.582	-	-44,93%



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Công ty vẫn hoạt động với cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý như đã đề ra.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	So với năm 2016 (%)
1	Giá trị sản lượng	205.000.000.000	175.000.000.000	85,37%
2	Doanh thu	152.650.128.907	170.000.000.000	111,37%
3	Lao động bình quân	345	500	144,93%
4	Thu nhập bình quân người/tháng	6.737.000	6.700.000	99,45%
5	Đầu tư XDCB	-	1.000.000.000	

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty và đưa ra ý kiến ngoại trừ với cơ sở "số thuế phải nộp trong kỳ sẽ được xác định lại theo quyết định của cơ quan thuế".

Ban Tổng Giám đốc xin được giải trình do hiện nay, công ty đang áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau chính vì thế giá trị khoản mục này có thể sẽ được điều chỉnh theo quyết định của cơ quan thuế.





5

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

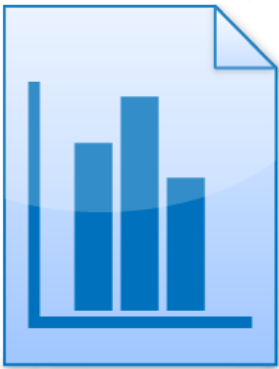
- ✓ Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
- ✓ Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc
- ✓ Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2016 đi qua tiếp tục để lại những khó khăn nhất định cho Công ty, các mặt hoạt động của L44 hiện nay vẫn được cố gắng duy trì. Nhân sự biến động, tình hình tài chính mất cân đối, máy móc thiết bị phục vụ không hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính là những đặc điểm nổi bật tại trong nhiều khó khăn tại của Công ty. Với những khó khăn đó, Công ty chưa thể hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

Trong năm, L44 cũng đã có nhiều cố gắng trong việc tiết giảm chi phí tối đa, bên cạnh đó thực hiện thanh lý và bán những tài sản sử dụng kém hoặc không có hiệu quả nhằm giảm số dư nợ vay Ngân hàng và khắc phục tình trạng khó khăn, giảm thiểu số lỗ tiềm ẩn.

Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị Công ty giai đoạn 2013-2015 và tầm nhìn đến năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua nhưng việc triển khai công tác tái cấu trúc Công ty còn chậm.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc trong năm 2016 được thực hiện theo Điều lệ Công ty và các Quy định hiện hành. Năm qua, tính hình hoạt động của công ty gặp rất nhiều khó khăn. Thu hồi vốn chậm do các nguyên nhân:

- ✓ Một số công trình tiến độ kéo dài, công tác nghiệm thu chậm (Thủy điện thác mơ mở rộng, Thủy điện Vĩnh Hà, Thủy điện Sông Bung 2...) ảnh hưởng đến doanh thu giảm so với kế hoạch đề ra.
- ✓ Thu hồi vốn những dự án đã thực hiện xong gặp nhiều khó khăn như: DA Điện gió Bạc Liêu, Bauxite Nhôm Lâm Đồng...
- ✓ Thời gian nghiệm thu thanh toán khối lượng hoàn thành kéo dài dẫn đến thu hồi vốn chậm, thiếu nguồn vốn phục vụ sản xuất.
- ✓ Nhân lực không ổn định, thiếu nhận lực phải thuê ngoài, chi phí nhân công tăng.
- ✓ Chi phí quản lý và lãi vay chiếm tỷ lệ cao.
- ✓ HĐQT chưa theo dõi sát sao hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, chưa giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nên chưa tạo điều kiện cho hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Kết quả là các chỉ tiêu Sản lượng, doanh thu chưa đạt yêu cầu.

Hội đồng quản trị thấy rằng Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện nghiêm túc và có trách nhiệm các chỉ đạo và quy định do HĐQT và ĐHCĐ ban hành. Mặc dù không đạt được kế hoạch đề ra, nhưng vẫn có được những kết quả nhất định.



KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT



Trong thời gian tới Công ty tiếp tục thực hiện tái cấu trúc như đề án đã trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Hội đồng quản trị sẽ phối hợp cùng Ban Tổng Giám đốc đưa ra các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho Công ty, nỗ lực đạt được kết quả kinh doanh kỳ vọng, cụ thể các công tác như sau:

- ✓ Tập trung đẩy mạnh công tác thu hồi vốn đối với các hạng mục công trình đã hoàn thành nhưng chưa thu hồi đủ vốn như: Thủy điện An Khê; Ka Nak; Thủy điện A Roàng, Nhiệt điện Vũng Áng, Trạm biến áp Phú Mỹ 2, Điện gió Bạc Liêu, NM nước Thủ Đức...
- ✓ Tập trung nguồn lực thi công các công trình chuyển tiếp từ năm 2016 sang năm 2017.
- ✓ Tăng cường nguồn lực tiếp thị đấu thầu các công trình mới.
- ✓ Sử dụng lao động hợp lý, cải thiện điều kiện làm việc để tăng năng suất lao động, tăng thu nhập.
- ✓ Hiện nay việc tuyển dụng lao động có nghề là rất khó khăn nên có chính sách tuyển dụng lao động hợp lý để đủ nhân lực phục vụ SXKD.

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, tiếp tục duy trì lĩnh vực truyền thống của Công ty đã có kinh nghiệm, năng lực nhân sự và máy móc. Ngoài các đối tác đã hợp tác lâu năm, Công ty sẽ mở rộng phạm vi tìm kiếm hợp tác với các đối tác mới, tạo thế chủ động cho đầu ra của Công ty.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG







TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Với hoạt động chính trong lĩnh vực xây lắp, công ty khó có thể tránh được các tác động đối với môi trường xung quanh. Tuy nhiên, Lalima 45.4 luôn ý thức và cam kết các chính sách bảo vệ môi trường qua việc đáp ứng tốt các yêu cầu về tiếng ồn, chất thải, khí thải, tiêu thụ năng lượng trong quá trình hoạt động của mình.

Bên cạnh đó, công ty luôn bảo trì máy móc thiết bị theo định kì nhằm đáp ứng chất lượng công trình và giảm thiểu các vấn đề về đối với môi trường xung quanh.

Đảm bảo chất lượng an toàn công trình thi công

Với phương châm “an toàn là trên hết” các công trình xây lắp của L44 không chỉ đạt yêu cầu về tiến độ cũng như chất lượng mà còn đảm bảo yêu cầu về an toàn đối với khách hàng và người lao động.

Công tác thi công, nghiệm thu công trình luôn được giám sát một cách chặt chẽ. Công ty luôn đảm bảo được chất lượng của những công trình mà mình phụ trách và nhận được sự tín nhiệm của khách hàng trong những năm qua.

Các dụng cụ, mũ bảo hộ, và trang phục cho người lao động luôn đảm bảo chất lượng theo qui định nhằm giúp cho người lao động yên tâm làm việc mà không phải e ngại bất cứ rủi ro nào.

TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Tạo công ăn việc làm

Lao động hiện nay của công ty hiện có 345 người với mức lương trung bình trong năm qua là 6.737.000 triệu đồng. L44 luôn đảm bảo được thu nhập ổn định và cuộc sống cho người lao động, qua đó góp phần mang lại sự ổn định cho xã hội

Phát triển nguồn nhân lực

Do tính chất đặc thù của ngành, công ty luôn xác định yếu tố nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi trong chiến lược phát triển dài hạn của công ty. Công ty không ngừng nâng cao chất lượng của lao động thông qua việc đào tạo, phát triển nhân viên nhằm nâng cao hơn nữa tay nghề, kĩ thuật trong công việc. tập thể cán bộ, nhân viên của công ty tạo một môi trường làm việc năng động, từ đó nêu cao tinh thần cố gắng, tính gắn kết và yêu nghề của mỗi cá nhân. Công tác rà soát nhân sự và tuyển dụng mới cũng thường xuyên được thực hiện nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng lao động và đảm bảo nhu cầu trong công việc.



7

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ✓ Hội đồng quản trị
- ✓ Ban kiểm soát
- ✓ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Xét thấy với quy mô hoạt động hiện nay, Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị mà mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ được phân công phụ trách các vấn đề nhân sự, lương thưởng, tài chính, sản xuất kinh doanh,... cụ thể theo tình hình thực tế của từng thời kỳ.



Các phiên họp của Hội đồng quản trị trong năm 2016

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu /không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Hoàng Văn Dư	Chủ tịch	Thôi giữ chức Chủ tịch và là Thành viên từ ngày 24/06/2016	5/5	100%	
2	Ông Nguyễn Bá Sừng	Thành viên	TV HĐQT từ ngày 23/04/2015 và nhận chức danh Chủ tịch từ ngày 24/06/2016	5/5	100%	
3	Ông Hoàng Văn Hà	Thành viên	TV HĐQT từ ngày 16/04/2012	5/5	100%	
4	Ông Hoàng Tuấn Anh	Thành viên	TV HĐQT từ ngày 23/04/2015	3/5	60%	Đi công tác
5	Vũ Thế Phương	Thành viên	Thôi giữ chức danh thành viên HĐQT từ ngày 24/06/2016	2/2	100%	
6	Phan Thị Thanh Thủy	Thành viên	Thành viên HĐQT từ ngày 24/06/2016	3/3	100%	

Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2016

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	29/01/2016	<ol style="list-style-type: none">1. Thông qua kết quả thực hiện kế hoạch SXKD và đầu tư quý 4 và cả năm 2015.2. Thông qua dự kiến kế hoạch SXKD và đầu tư quý 1 và cả năm 2016 để trình chủ sở hữu và Đại hội cổ đông năm 20163. Sửa đổi Điều lệ hoạt động của Công ty theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc Hội.
2	02/NQ-HĐQT	03/06/2016	<ol style="list-style-type: none">1. Thông qua kế hoạch chuẩn bị Đại hội cổ đông thường niên năm 2016.2. Thông qua kế hoạch xây dựng đơn giá tiền lương năm 2016
3	03/NQ-HĐQT	12/07/2016	<ol style="list-style-type: none">1. Thông qua kết quả thực hiện kế hoạch SXKD và đầu tư quý 2 năm 2016.2. Thông qua dự kiến kế hoạch SXKD và đầu tư quý 3 năm 20163. Đồng ý ủy quyền cho Ông Nguyễn Bá Súng, Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật được làm đại diện Công ty thực hiện mọi hành vi trong quan hệ vay vốn, bảo lãnh với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai4. Thông qua đơn giá tiền lương năm 20165. Lựa chọn và ký hợp đồng số 921/HĐKT/TC/NV2 ngày 12/07/2016 với Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam là đơn vị soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 của Doanh nghiệp.6. Thông qua phương án dự kiến thanh lý nhượng bán một số tài sản, thiết bị thi công hoạt động kém hiệu quả hoặc không cần dùng. Nghiên cứu thành lập thêm 02 đơn vị hạch toán phụ thuộc do địa bàn hoạt động của Công ty trải dài từ Bắc vào Nam, phù hợp với luật doanh nghiệp.7. Thông qua việc ông Hoàng Tuấn Anh – Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng, Người đại diện phần vốn của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam tại doanh nghiệp xin từ chức Kế toán trưởng và thôi việc. Tổ đại diện phần vốn tại Doanh nghiệp có trách nhiệm làm báo cáo (Mục 6;7) trình Tổng công ty Lắp máy Việt Nam xin ý kiến chỉ đạo.
4	04/NQ-HĐQT	16/08/2016	Thông qua phương án thay đổi nhân sự Người đại diện phần vốn và nhân sự chức danh Kế toán trưởng Công ty cổ phần Lilama 45.4. (Theo NQ số 223/TCT-HĐQT ngày 29/07/2016 của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP) và việc bổ nhiệm lại có thời hạn chức danh đối với cán bộ quản lý.

5	05/NQ-HĐQT	05/12/2016	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua kết quả thực hiện kế hoạch SXKD quý 3 và 9 tháng năm 2016 2. Dự kiến kế hoạch SXKD quý 4 năm 2016 3. Dự kiến tiếp tục thanh lý nhượng bán một số tài sản, thiết bị thi công hoạt động kém hiệu quả hoặc không cần dùng. Nghiên cứu thành lập thêm 01 đơn vị hạch toán phụ thuộc, phù hợp với luật doanh nghiệp.
6	01/QĐ-HĐQT	05/06/2016	Thành lập tiểu ban nhân sự phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016
7	02/QĐ-HĐQT	06/06/2016	Điều chỉnh Hệ thống thang bảng lương, phụ cấp lương, Quy định tiêu chuẩn và điều kiện áp dụng với nhóm chức danh nghề của Công ty CP Lilama 45.4
8	03/QĐ-HĐQT	07/06/2015	Phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2016 là 290 đồng tính trên 1.000 đồng doanh thu
9	04/QĐ-HĐQT	01/08/2016	Phê duyệt danh mục tài sản thanh lý, bán đấu giá. Tổng số: 34 loại tài sản (Có danh sách kèm theo).
10	05/QĐ-HĐQT	16/08/2016	Miễn nhiệm ông Hoàng Tuấn Anh, Kế toán trưởng, bậc lương 1/2, thôi giữ chức danh Kế toán trưởng Công ty cổ phần Lilama 45.4 theo nguyện vọng cá nhân kể từ ngày 01/08/2016.
11	06/QĐ-HĐQT	16/08/2016	Bổ nhiệm có thời hạn bà: Phan Thị Thanh Thủy; Sinh ngày 08/4/1964, Cử nhân Kinh tế, Thành viên Hội đồng quản trị. Phó, Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty cổ phần Lilama 45.4, giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty cổ phần Lilama 45.4; Thời gian kể từ ngày 01/08/2016
12	07/QĐ-HĐQT	15/09/2016	Bổ nhiệm lại có thời hạn ông Tạ Văn Hùng, Kỹ sư điện giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 45.4.
13	07/QĐ-HĐQT	06/09/2016	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thu hồi và hủy Quyết định số 312/HĐQT ngày 26/03/2012 về lô đất và tài sản trên đất khuôn viên Nhà văn hóa Công ty tại Khu cư xá Lắp máy – Khu phố 5, Phường Trảng Dài, Tp.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai. 2. Chuyển giao người đứng tên cho ông Phạm Huy Giáp. 3. Lô đất và tài sản có trên đất nằm trong thửa đất khu E lập ngày 18/11/1994 theo bản đồ quy hoạch nhà ở do Viện thiết kế quy hoạch xây dựng Tỉnh Đồng Nai. Tài sản gắn liền trên đất: Căn nhà cấp 4 có diện tích sàn xây dựng 544m² nằm trong khuôn viên đất (43m x 30m) = 1.290m². Mục đích sử dụng: Phục vụ cộng đồng (Xây dựng nhà văn hóa, nhà trẻ, mẫu giáo v.v.. theo quy hoạch).

(*) Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được công bố đây đủ theo quy định

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu /không còn là thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Lê Đình Khanh	Trưởng ban	Thôi chức danh Trưởng ban ngày 24/06/2016	2/2	100%
2	Đặng Tiến Toàn	Thành viên	Thôi chức danh thành viên ngày 24/06/2016	2/2	100%
3	Nguyễn Kim Tuấn	Thành viên	Thôi chức danh thành viên ngày 24/06/2016	2/2	100%
4	Nguyễn Văn Ngọc	Trưởng Ban	Nhận chức danh Trưởng ban ngày 24/06/2016	2/2	100%
5	Lê Minh Thiện	Thành viên	Nhận chức danh thành viên ngày 26/06/2016	2/2	100%
6	Trần Huyền Thương Thương	Thành viên	Nhận chức danh thành viên ngày 26/06/2016	2/2	100%

Trong năm 2016, Ban kiểm sát thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động SXKD, quản trị điều hành của Công ty theo quy định. Ban kiểm soát Công ty đã tham gia một số phiên họp của HĐQT, đóng góp ý kiến theo đúng chức năng và quyền hạn của ban kiểm soát.

Năm qua, Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thanh mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động SXKD, quản trị và điều hành Công ty theo quy định. Ban kiểm soát Công ty đã tham gia trong một số phiên họp của HĐQT, đóng góp ý kiến theo đúng chức năng và quyền hạn của ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty đã phối hợp và tạo điều kiện cho Ban kiểm soát hoạt động. Tuy nhiên do thay đổi toàn bộ nhân sự của Ban kiểm soát (Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2016 thông qua ngày 24/06/2016) nên công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát vẫn còn một số hạn chế nhất định.

Trong năm 2016 Ban kiểm soát không nhận được ý kiến nào của các cổ đông về các vấn đề liên quan đến việc điều hành hoạt động SXKD của Ban lãnh đạo Công ty.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Thù lao, lương, thưởng và các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Lương	Thưởng
1	Hội đồng quản trị		-		-
	Nguyễn Bá Sứng	Chủ tịch	-	157.211.000	-
	Hoàng Văn Dư	Thành viên	-	148.943.000	-
	Hoàng Văn Hà	Thành viên	-	197.948.000	-
	Hoàng Tuấn Anh	Thành viên	-	71.707.000	-
	Phan Thị Thanh Thủy	Thành viên	-	124.150.000	-
2	Ban kiểm soát		-		-
	Nguyễn Văn Ngọc	Trưởng ban	-	125.259.000	-
	Lê Minh Thiện	Thành viên	-	116.499.000	-
	Trần Huyền Thương Thương	Thành viên	-	72.929.000	-
3	Ban điều hành		-		-
	Nguyễn Bá Sứng	Tổng Giám đốc	-	157.211.000	-
	Hoàng Văn Hà	P.Tổng Giám đốc	-	197.948.000	-
	Tạ Văn Hùng	P.Tổng Giám đốc	-	205.716.000	-
	Phan Cao Viên	P.Tổng Giám đốc	-	159.419.000	-
	Phan Thị Thanh Thủy	Kế toán trưởng	-	124.150.000	-

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Bá Sứng	CT HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0	0	99.300	2,483%	Mua
2	Hoàng Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	80.000	2,000%	105.500	2,637%	Mua, bán
3	Hoàng Văn Dư	Thành viên HĐQT	195.000	4,875%	80.000	2,000%	Bán
3	Tạ Văn Hùng	P.Tổng Giám đốc	10.000	0,250%	5.000	0,125%	Bán

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Công ty không có giao dịch với cổ đông nội bộ.

Việc thực hiện quy định về quản trị công ty

Công ty Cổ phần Lilama 45.4 luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định Pháp luật về quản trị công ty.

A hand holding a silver pen pointing at a financial report with charts and graphs. The report features a pie chart with blue and red segments, and several bar charts with blue bars. The background is a blurred office setting with a person in a blue shirt.

8

**BÁO CÁO
TÀI CHÍNH
2016**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Nguyễn Bá Sứng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24/6/2016
Ông Hoàng Văn Dư	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 24/6/2016
Ông Hoàng Văn Dư	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/6/2016
Bà Phan Thị Thanh Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/6/2016
Ông Hoàng Tuấn Anh	Thành viên	
Ông Vũ Thế Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/6/2016
Ông Hoàng Văn Hà	Thành viên	

Các thành viên Ban Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm

Ông Nguyễn Bá Sứng	Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Tạ Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phan Cao Viên	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phan Thị Thanh Thủy	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 16/8/2016
Ông Hoàng Tuấn Anh	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 16/8/2016

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm

Ông Nguyễn Văn Ngọc	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 24/6/2016
Ông Lê Đình Khanh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 24/6/2016
Ông Lê Minh Thiện	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/6/2016
Bà Trần Huyền Thương Thương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/6/2016
Ông Đặng Tiến Toàn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/6/2016
Ông Nguyễn Kim Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/6/2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Lilama 45.4 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty cổ phần Lilama 45.4 là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.4. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 3600255703 ngày 14/08/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 11/02/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chi tiết đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà);
- Bán buôn vật liệu xây dựng, hàng kim khí điện máy; Bán buôn thiết bị đơn lẻ, thiết bị đồng bộ, dây truyền công nghệ, thang máy, vật liệu điện, máy móc thiết bị phụ tùng cơ khí;
- Bảo trì thang máy, sửa chữa thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực, thiết bị lò hơi trung cao áp, bồn bể chứa các loại dung dịch lỏng;
- Lắp đặt thang máy; Lắp đặt thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực, thiết bị lò hơi trung cao áp, bồn bể chứa dung dịch lỏng; Lắp đặt hệ thống đường ống hạ áp, trung áp, cao áp;
- Chế tạo đường ống hạ áp, trung áp, cao áp;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Buôn bán sắt thép; Bán buôn phế liệu (trừ phế liệu độc hại, phế thải nguy hại, phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường; chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật về môi trường);
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Xây dựng lắp đặt đường dây tải điện, trạm biến áp cao thế, trung thế, hạ thế;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại (trừ xi mạ, không sản xuất tại trụ sở; chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp nhận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Xây dựng nhà các loại;
- Gia công cơ khí (trừ xi mạ, không gia công tại trụ sở; chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)/.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Xa lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 là 40.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 4.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

Cổ đông	Số cổ phần	Số tiền tương ứng	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Vốn góp của Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	1.402.346	14.023.460.000	35,06 %
Vốn góp của cổ đông khác	2.597.654	25.976.540.000	64,94 %
Tổng cộng	4.000.000	40.000.000.000	100,00%

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày sau ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

05
 Đ
 NH
 T
 Đ
 T
 C
 U
 A

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4

Địa chỉ: Xa lộ Hà Nội, P. Bình Đa, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

Ban Giám đốc Công ty cũng xác nhận tính đầy đủ và hiện hữu của các khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định, công nợ phải thu phải trả tại ngày 31/12/2016 trên Báo cáo tài chính của Công ty, chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại Công ty;

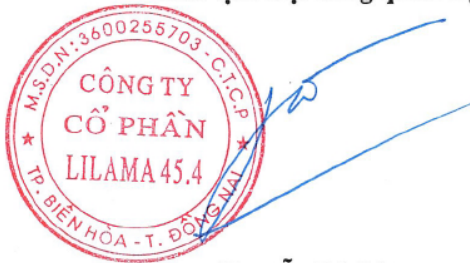
Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama 45.4 phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty.

Đồng Nai, ngày tháng năm 2017

Thay mặt Hội đồng quản trị
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Bá Sứng

Đồng Nai, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Thay mặt Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc



Nguyễn Bá Sứng

C.T.C.P.
LILAMA 45.4
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị
Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lilama 45.4

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lilama 45.4, được lập ngày 29/3/2017, từ trang 06 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Số thuế phải nộp trong năm 2016 sẽ được xác định lại theo quyết định của cơ quan thuế.

Ý kiến của Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lilama 45.4 tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



LÊ NGỌC KHUÊ

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHNKT số 0665-2014-126-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2017

TỔNG THỊ BÍCH LAN

Kiểm toán viên

Giấy CNDKHNKT số 0060-2014-126-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		314.155.998.881	348.639.477.553
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.114.472.341	2.487.477.607
1. Tiền	111	V.01	3.114.472.341	2.487.477.607
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61.257.309.455	87.355.962.684
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	55.510.999.399	85.109.290.504
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.756.500.322	2.825.485.853
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	782.392.452	1.027.677.371
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.04	(1.792.582.718)	(1.606.491.044)
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	249.784.217.085	258.775.811.595
1. Hàng tồn kho	141		249.890.929.845	259.276.333.846
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(106.712.760)	(500.522.251)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	20.225.667
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	7.629.870
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	12.595.797
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		13.229.293.504	19.011.850.689
II. Tài sản cố định	220		12.185.241.362	17.027.167.267
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	9.203.741.362	14.045.667.267
- Nguyên giá	222		63.228.343.170	75.439.269.737
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(54.024.601.808)	(61.393.602.470)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	2.981.500.000	2.981.500.000
- Nguyên giá	228		2.981.500.000	2.981.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.044.052.142	1.984.683.422
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	1.044.052.142	1.984.683.422
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		327.385.292.385	367.651.328.242

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2016	01/01/2016
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		295.066.663.803	308.961.972.742
I. Nợ ngắn hạn	310		295.066.663.803	308.961.972.742
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	54.483.683.799	62.978.798.047
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	21.696.330.926	49.897.091.391
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	10.823.064.458	4.313.496.861
4. Phải trả người lao động	314		21.982.014.780	9.004.183.822
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	10.215.960.775	7.908.990.877
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	41.380.587.171	19.393.174.629
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	134.143.675.235	154.955.840.456
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		341.346.659	510.396.659
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		32.318.628.582	58.689.355.500
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	32.318.628.582	58.689.355.500
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.000.000.000	40.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.520.000.000	3.520.000.000
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(282.000.000)	(282.000.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.833.254.447	11.833.254.447
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.000.893.238	2.000.893.238
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(24.753.519.103)	1.617.207.815
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.617.207.815	1.452.945.184
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(26.370.726.918)	164.262.631
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		327.385.292.385	367.651.328.242

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Đồng Nai, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu

Kế toán trưởng



Phan Thị Thanh Thủy

Tổng Giám đốc



Nguyễn Bá Sứng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: đồng
Năm trước

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	152.650.128.907	145.837.583.737
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		152.650.128.907	145.837.583.737
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	162.222.722.272	118.050.123.083
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(9.572.593.365)	27.787.460.654
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.836.309.761	1.193.318.202
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	12.806.116.062	15.267.997.628
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.647.362.401	14.863.967.558
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	13.761.503.893	12.778.251.954
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(34.303.903.559)	934.529.274
11. Thu nhập khác	31	VI.06	13.242.418.642	483.796.383
12. Chi phí khác	32	VI.07	5.309.242.001	1.075.856.974
13. Lợi nhuận khác	40		7.933.176.641	(592.060.591)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(26.370.726.918)	342.468.683
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	178.206.052
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(26.370.726.918)	164.262.631
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	(6.626)	41
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(6.626)	41

Đồng Nai, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu

Kế toán trưởng

Phan Thị Thanh Thủy

Tổng Giám đốc



Nguyễn Bá Súng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp trực tiếp

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	169.312.672.438	160.163.462.906
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(102.012.488.985)	(112.390.160.027)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(46.494.704.196)	(33.275.173.528)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(8.520.836.770)	(13.975.174.150)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	235.585.450	506.910.033
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(6.992.940.472)	(8.165.545.722)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.527.287.465	(7.135.680.488)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(235.325.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	15.275.400.000	375.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	636.472.490	635.682.664
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	15.911.872.490	775.357.664
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
1. Tiền thu từ đi vay	33	106.922.166.198	127.803.747.122
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(127.734.331.419)	(127.679.685.610)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(20.812.165.221)	124.061.512
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	626.994.734	(6.236.261.312)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.487.477.607	8.723.738.919
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3.114.472.341	2.487.477.607

1/4
T
Y
J
U
N
I
G
M
P

Đồng Nai, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thu

Phan Thị Thanh Thủy

Nguyễn Bá Sừng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Lilama 45.4 là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.4. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 3600255703 ngày 14/08/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 11/02/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Xa lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai..

2. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chi tiết đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà);
- Bán buôn vật liệu xây dựng, hàng kim khí điện máy; Bán buôn thiết bị đơn lẻ, thiết bị đồng bộ, dây truyền công nghệ, thang máy, vật liệu điện, máy móc thiết bị phụ tùng cơ khí;
- Bảo trì thang máy, sửa chữa thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực, thiết bị lò hơi trung cao áp, bồn bể chứa các loại dung dịch lỏng ;
- Lắp đặt thang máy; Lắp đặt thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực, thiết bị lò hơi trung cao áp, bồn bể chứa dung dịch lỏng; Lắp đặt hệ thống đường ống hạ áp, trung áp, cao áp;
- Chế tạo đường ống hạ áp, trung áp, cao áp;
- Xây dựng công trình công nghiệp ;
- Buôn bán sắt thép; Bán buôn phế liệu (trừ phế liệu độc hại, phế thải nguy hại, phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường; chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật về môi trường) ;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Xây dựng lắp đặt đường dây tải điện, trạm biến áp cao thế, trung thế, hạ thế;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại (trừ xi mạ, không sản xuất tại trụ sở; chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp nhận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Xây dựng nhà các loại;
- Gia công cơ khí (trừ xi mạ, không gia công tại trụ sở; chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)/.

3. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng lớn đến Báo cáo tài chính

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016 của Công ty so với cùng kỳ năm trước có biến động lớn. Cụ thể các biến động này, Công ty đã có Công văn giải trình với Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và công bố thông tin theo quy định hiện hành tại Công văn số 68/CT-TGD ngày 16/8/2016.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp và các văn bản pháp lý khác theo qui định của nhà nước.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày lập BCTC.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá xuất hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh;

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

Công ty tuân thủ nguyên tắc kế toán khi thực hiện kế toán TSCĐHH, TSCĐVH theo hướng dẫn tại TT 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22/12/2014.

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không thực hiện trích khấu hao.

NHỊ

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính;

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm gồm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định
- Chi phí chờ phân bổ khác;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả:

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Khoản phải trả bao gồm các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa Công ty là đơn vị cấp trên và các xí nghiệp, chi nhánh là đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ.

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh) tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng.

Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán.

7. Nguyên tắc ghi nhận nợ vay

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Các khoản vay được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ. Khi lập BCTC số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0%.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu;

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ;

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng và khoản lãi do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, được tính ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ theo nguyên tắc thận trọng.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh toàn bộ chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ hàng hóa dịch vụ của Công ty như: chi phí chào hàng, quảng cáo, giới thiệu...(không bao gồm bảo hành công trình xây dựng)

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty...

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

16. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Công ty trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

		Đơn vị tính: đồng	
		31/12/2016	01/01/2016
1. Tiền			
Tiền mặt		27.863.600	31.680.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		3.086.608.741	2.455.797.607
Cộng		3.114.472.341	2.487.477.607
2. Phải thu khách hàng			
<i>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>			
- Công ty CHENGDA - Mặt bằng DH3		-	6.028.290.239
- Viện NCTKKSCN Điện lực Quảng Tây		5.808.799.154	10.030.736.096
- Viện Nghiên Cứu Cơ Khí (NARIME)		11.183.726.179	18.242.582.020
- Các khách hàng khác		34.959.687.180	39.365.345.473
<i>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>			
- Công ty CP Lilama 3 - Công trình Giấy Bãi Bằng		103.420.461	103.420.461
- Công ty CP Lilama 3 - Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 4		2.860.255.000	2.860.255.000
- Công ty CP LILAMA 45.1		417.549.658	1.117.549.658
- Công ty CP Lilama 7		-	82.500.000
- Công ty CP Lilama 18		-	447.002.377
- Công ty CP Lilama 69.2		-	503.814.743
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam		177.561.767	6.327.794.437
Cộng		55.510.999.399	85.109.290.504
3. Phải thu khác			
		31/12/2016	01/01/2016
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị
			Dự phòng
a) Ngắn hạn	782.392.452	204.300.777	1.027.677.371
- Phải thu khác	334.859.777	204.300.777	396.894.227
- Tạm ứng	447.532.675	-	630.783.144
Cộng	782.392.452	204.300.777	1.027.677.371
4. Nợ xấu			
		31/12/2016	01/01/2016
	Giá gốc	Giá trị có thẻ thu hồi	Giá gốc
			Giá trị có thẻ thu hồi
<i>a) Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán</i>			
- Phải thu khách hàng	996.371.641	-	1.415.580.797
- Trả trước cho người bán	591.910.300	-	591.910.300
- Phải thu khác	204.300.777	-	-
Cộng	1.792.582.718	-	2.007.491.097
5. Hàng tồn kho			
		31/12/2016	01/01/2016
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc
			Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.163.733.489	106.712.760	3.712.719.926
Công cụ, dụng cụ	144.347.087	-	78.185.193
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	248.582.849.269	-	255.485.428.727
Cộng	249.890.929.845	106.712.760	500.522.251

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ						
Số dư đầu kỳ	18.736.527.301	22.626.352.343	33.540.752.816	535.637.277	-	75.439.269.737
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	997.217.000	10.964.080.618	249.628.949	-	12.210.926.567
- Thanh lý, nhượng bán	-	997.217.000	10.964.080.618	249.628.949	-	12.210.926.567
Số dư cuối kỳ	18.736.527.301	21.629.135.343	22.576.672.198	286.008.328	-	63.228.343.170
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	13.178.105.137	20.360.940.184	27.422.879.278	431.677.871	-	61.393.602.470
Số tăng trong kỳ	980.570.779	846.498.472	1.592.389.530	36.682.174	-	3.456.140.955
- Khấu hao trong kỳ	980.570.779	846.498.472	1.592.389.530	36.682.174	-	3.456.140.955
Số giảm trong kỳ	-	997.217.000	9.578.295.668	249.628.949	-	10.825.141.617
- Thanh lý, nhượng bán	-	997.217.000	9.578.295.668	249.628.949	-	10.825.141.617
Số dư cuối kỳ	14.158.675.916	20.210.221.656	19.436.973.140	218.731.096	-	54.024.601.808
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	5.558.422.164	2.265.412.159	6.117.873.538	103.959.406	-	14.045.667.267
Tại ngày cuối kỳ	4.577.851.385	1.418.913.687	3.139.699.058	67.277.232	-	9.203.741.362

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 8.923.098.322 đồng
 - Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 28.769.569.525 đồng

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	2.981.500.000	2.981.500.000
Số dư cuối kỳ	2.981.500.000	2.981.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	2.981.500.000	2.981.500.000
Tại ngày cuối kỳ	2.981.500.000	2.981.500.000

8. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
- Phí bảo lãnh thực hiện công trình	-	210.388.070
- Sửa chữa tài sản cố định	370.502.900	221.527.500
- Tiền thuê đất xưởng cơ khí	51.871.500	99.187.500
- Công cụ dụng cụ	621.677.742	1.453.580.352
Cộng	1.044.052.142	1.984.683.422

9. Phải trả người bán	Giá trị	31/12/2016		01/01/2016	
		Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Phải trả người bán ngắn hạn					
- DNTN Thanh Trúc	-	-	7.065.180.968	7.065.180.968	
- Công ty CP KCT và Thiết bị nâng Việt Nam	1.366.172.700	1.366.172.700	11.270.260.000	11.270.260.000	
- Công ty CP TM&SX Thái Dương Anh	5.904.774.762	5.904.774.762	-	-	
- Công ty CP Bất động sản Lilama	-	-	11.319.643.209	11.319.643.209	
- Các đối tượng khác	45.528.180.814	45.528.180.814	31.927.943.938	31.927.943.938	
b) Phải trả người bán là các bên liên quan					
- Công ty CP Lilama - Thí nghiệm Cơ điện	73.336.300	73.336.300	73.336.300	73.336.300	
- Công ty CP Lilama 3	1.019.922.805	1.019.922.805	1.019.922.805	1.019.922.805	
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (MTC + Nợ khác)	591.296.418	591.296.418	302.510.827	302.510.827	
Cộng	54.483.683.799	54.483.683.799	62.978.798.047	62.978.798.047	
10. Người mua trả tiền trước			31/12/2016	01/01/2016	
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn					
- Công ty CP Thủy điện Thác Mơ			-	5.958.096.414	
- Công ty CP ĐTXD và TM Quốc Tế (ICT)			625.441.632	8.750.000.000	
- Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh			2.243.156.749	1.230.986.444	
- Các khách hàng khác			171.805.267	20.156.337.293	
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan					
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam			18.355.927.278	13.297.856.497	
- Công ty CP Lilama 69.2			300.000.000	503.814.743	
Cộng			21.696.330.926	49.897.091.391	
11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước					
	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2016	
a) Phải nộp					
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	983.701.259	8.584.818.288	4.934.974.821	4.633.544.726	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	145.012.492	-	-	145.012.492	
Thuế thu nhập cá nhân	807.899.717	910.745.342	158.011.000	1.560.634.059	
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	94.501.776	-	-	94.501.776	
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	2.282.381.617	2.865.059.251	758.069.463	4.389.371.405	
Cộng	4.313.496.861	12.360.622.881	5.851.055.284	10.823.064.458	
b) Phải thu					
Thuế xuất nhập khẩu	12.595.797	48.754.157	36.158.360	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	
Cộng	12.595.797	48.754.157	36.158.360	-	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4

Địa chỉ: Xã Lộ Hà Nội - Phường Bình Đa - TP, Biên Hòa - Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	31/12/2016		01/01/2016			
12. Chi phí phải trả						
<i>a) Ngắn hạn</i>						
Thù lao phải trả HĐQT, BKS		-		-		
Chi phí lãi vay		1.011.740.592		888.793.408		
Chi phí công trình Trạm biến áp Phú Mỹ		-		2.293.903.325		
Chi phí công trình Formusa Hà Tĩnh		-		265.511.073		
Chi phí Công trình Thủy điện Vĩnh Hà		7.598.489.636				
Chi phí Công trình Thủy điện An Khê - Ka Nak		951.562.047				
Chi phí các công trình khác		654.168.500		4.460.783.071		
Cộng		10.215.960.775		7.908.990.877		
13. Phải trả khác						
<i>a) Ngắn hạn</i>						
Kinh phí công đoàn		487.601.427		283.636.815		
Bảo hiểm xã hội		6.970.102.265		2.577.600.587		
Bảo hiểm thất nghiệp		2.925.704.506		2.339.132.477		
Các khoản phải trả, phải nộp khác		30.997.178.973		14.192.804.750		
+ <i>Cổ tức phải trả</i>		6.766.000.000		6.766.000.000		
+ <i>Nợ các đội công trình</i>		16.794.549.589		6.725.821.106		
+ <i>Quỹ Tình thương</i>		251.123.180		245.043.180		
+ <i>Lãi Vay</i>		4.003.578.447				
+ <i>Tiền trợ cấp thôi việc phải trả</i>		2.637.441.000				
+ <i>Phải trả khác</i>		544.486.757		455.940.464		
Cộng		41.380.587.171		19.393.174.629		
14. Vay và nợ thuê tài chính						
	Giá trị	31/12/2016			01/01/2016	
		Số có khả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả
		năng trả nợ				năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	134.143.675.235	134.143.675.235	106.922.166.198	127.734.331.419	154.955.840.456	154.955.840.456
- Ngân hàng Đầu tư và PT Đồng Nai ⁽¹⁾	133.193.675.235	133.193.675.235	105.972.166.198	127.734.331.419	154.955.840.456	154.955.840.456
- Vay cá nhân	950.000.000	950.000.000	950.000.000	-	-	-

⁽¹⁾ Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng Đầu tư và Phát Triển Đồng Nai tính đến thời điểm 31/12/2016 bao gồm:

- Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đồng Nai theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 20/2015/378522 ngày 06/07/2015, thời hạn cấp tín dụng vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng, lãi suất theo từng khung ước nhận nợ. Tài sản thế chấp là máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, quyền sử dụng đất. Mục đích vay để bổ xung vốn lưu động, thời hạn vay được xác định theo từng khung ước nhận nợ, lãi vay được trả hàng tháng. Số dư nợ vay của hợp đồng hạn mức đến thời điểm 31/12/2016 là: 99.229.411.532 đồng

- Các khoản vay theo món là các khoản vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, lãi suất, thời hạn cụ thể theo từng lần vay. Tổng số tiền vay của các hợp đồng vay theo món tính đến thời điểm 31/12/2016 là: 33.964.263.703 đồng

15. **Vốn chủ sở hữu**

a) **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu	LNST chưa PP và các quỹ	Cộng
Số dư đầu năm trước	40.000.000.000	3.520.000.000	(282.000.000)	1.966.856.036	13.401.926.119	58.606.782.155
Tăng vốn năm trước	-	-	-	34.037.202	300.411.440	334.448.642
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	164.262.631	164.262.631
- Phân phối LN	-	-	-	34.037.202	136.148.809	170.186.011
Giảm vốn năm trước	-	-	-	-	251.875.297	251.875.297
- Phân phối LN	-	-	-	-	251.875.297	251.875.297
Số dư cuối năm trước	40.000.000.000	3.520.000.000	(282.000.000)	2.000.893.238	13.450.462.262	58.689.355.500
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	(26.370.726.918)	(26.370.726.918)
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	(26.370.726.918)	(26.370.726.918)
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	40.000.000.000	3.520.000.000	(282.000.000)	2.000.893.238	(12.920.264.656)	32.318.628.582

b) **Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của Tổng Công ty lắp máy Việt Nam

Vốn góp của cổ đông khác

Cộng

	31/12/2016	01/01/2016
Vốn góp của Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	14.023.460.000	18.423.460.000
Vốn góp của cổ đông khác	25.976.540.000	21.576.540.000
Cộng	40.000.000.000	40.000.000.000

c) **Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn góp đầu kỳ

- Vốn góp tăng trong kỳ

- Vốn góp giảm trong kỳ

- Vốn góp cuối kỳ

+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia

	Kỳ này	Kỳ trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	40.000.000.000	40.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	-	-
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	40.000.000.000	40.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	-	1.194.000.000

d) **Cổ phiếu**

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

- Cổ phiếu phổ thông

Số lượng cổ phiếu được mua lại

- Cổ phiếu phổ thông

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

- Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	20.000	20.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000	20.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.980.000	3.980.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.980.000	3.980.000

16. **Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

a) Ngoại tệ các loại

- USD

	31/12/2016	01/01/2016
Extracurricular items	1,330,936	1,134.47

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Đơn vị tính: đồng	
	Năm nay	Năm trước
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
a) Doanh thu		
Doanh thu của hợp đồng xây lắp được ghi nhận trong kỳ	118.932.348.400	116.902.559.359
b) Doanh thu của hợp đồng xây lắp được ghi nhận trong kỳ với các bên liên quan		
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	33.717.780.507	20.738.928.714
Công ty CP Lilama 45.1	-	2.262.590.118
Công ty CP Lilama 3	-	1.908.453.899
Công ty CP Lilama 10	-	601.924.248
Công ty CP Lilama 18	-	1.800.632.965
Công ty CP Lilama 69.2	-	1.622.494.434
Cộng	152.650.128.907	145.837.583.737
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn hoạt động xây lắp	162.222.722.272	118.050.123.083
Cộng	162.222.722.272	118.050.123.083
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	636.472.490	635.682.664
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.199.837.271	557.635.538
Cộng	1.836.309.761	1.193.318.202
4. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	12.647.362.401	14.863.967.558
Lỗ chênh lệch tỷ giá	158.753.661	404.030.070
Cộng	12.806.116.062	15.267.997.628
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	6.062.997.236	4.422.946.611
Chi phí quản lý khác	7.698.506.657	8.355.305.343
Cộng	13.761.503.893	12.778.251.954
6. Thu nhập khác		
Thanh lý nhượng bán TSCĐ	12.948.121.403	340.909.091
Các khoản khác	294.297.239	142.887.292
Cộng	13.242.418.642	483.796.383
7. Chi phí khác		
Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội	898.223.212	384.058.825
Phạt vi phạm hành chính	2.868.059.251	83.500.000
Phạt vi phạm hợp đồng kinh tế	188.507.742	348.000.000
Tiền thuế truy thu	1.157.753.098	
Các khoản khác	196.698.698	260.298.149
Cộng	5.309.242.001	1.075.856.974

	Kỳ này	Kỳ trước
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(26.370.726.918)	164.262.631
b/ Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) LN kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
c/ Lợi nhuận/(lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (=a+b)	(26.370.726.918)	164.262.631
d/ Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (thực tế/tạm tính) trong kỳ (*)	-	-
e/ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.980.000	3.980.000
f/ Lãi cơ bản trên cổ phiếu $\{(c-d)/e\}$	(6.626)	41
g/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu $\{(c-d)/e\}$	(6.626)	41

(*) Theo Nghị quyết họp đại hội đồng cổ đông số 01/2016/NQ-ĐHCD ngày 24/6/2016 thì không có nội dung về trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi. Do đó số quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015 được tính lại theo Nghị Quyết đại hội đồng Cổ đông. Số quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016 tạm tính bằng như năm 2015

	Năm nay	Năm trước
9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	38.731.246.077	68.742.186.965
Chi phí nhân công	59.472.535.154	44.479.967.166
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.456.140.955	3.949.928.569
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.515.658.739	59.131.883.496
Chi phí khác bằng tiền	8.906.065.782	8.990.311.182
Cộng	169.081.646.707	185.294.277.378

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
1	Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	Cổ đông lớn	Doanh thu thực hiện Thu tiền khối lượng Bù trừ công nợ Chi phí sử dụng cầu, điện, nước...	33.717.780.507 30.702.475.656 21.065.705.286 5.330.250.067
3	Công ty Cổ phần Lilama 45.1	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	Thu tiền khối lượng	700.000.000
4	Công ty Cổ phần Lilama 7	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	Thu tiền khối lượng	82.500.000
5	Công ty Cổ phần Lilama 18	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	Thu tiền khối lượng	447.002.377
6	Công ty Cổ phần Lilama 69.2	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	Thu tiền khối lượng	803.814.743

Tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký trong năm 2016

TT Họ và tên	Chức danh	Tiền lương	Thù lao
1 Nguyễn Bá Súng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	157.711.000	-
2 Hoàng Văn Dư	Thành viên Hội đồng quản trị	149.443.000	-
3 Phan Thị Thanh Thủy	Thành viên Hội đồng quản trị	124.650.000	-
4 Hoàng Văn Hà	Thành viên Hội đồng quản trị	198.448.000	-
5 Hoàng Tuấn Anh	Thành viên Hội đồng quản trị	72.207.000	-
6 Nguyễn Văn Ngọc	Trưởng Ban kiểm soát	125.759.000	-
7 Lê Minh Thiện	Thành viên Ban kiểm soát	116.999.000	-
8 Trần Huyền Thương Thương	Thành viên Ban Kiểm soát	73.429.000	-
Tổng cộng		1.018.646.000	-

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2016/NQ - ĐHĐCĐ ngày 24/06/2016 thì Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Hội đồng quản trị sẽ không được nhận thù lao trong năm 2016.

3. Báo cáo bộ phận

Hiện tại, hoạt động của Công ty là kinh doanh trong các khu vực địa lý không có khác biệt lớn về điều kiện sản xuất kinh và loại hình kinh doanh xây lắp là chủ yếu. Do đó, không có Báo cáo bộ phận được trình bày.

4. Thông tin so sánh

Số dư đầu kỳ được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Đồng Nai, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu

Kế toán trưởng



Phan Thị Thanh Thủy

Tổng Giám đốc



Nguyễn Bá Súng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4



XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN BÁ SỨNG